

Số: /BC-UBND

Vĩnh Thông, ngày tháng 5 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 5 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 6 và 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 5426/UBND-KGVX ngày 17/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 5 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 6 và 6 tháng cuối năm 2026. Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông báo cáo như sau:

#### **Phần 1**

#### **TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Kết quả nổi bật nhất trong 5 tháng đầu năm 2026 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW**

*1.1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026*

#### *1.2. Một số kết quả nổi bật 5 tháng đầu năm 2026*

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 100%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 100%, góp phần giảm thời gian đi lại, giảm hồ sơ giấy và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

- Duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; tổ chức 01 hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu, góp phần từng bước hình thành thói quen sử dụng dịch vụ số.

- Chủ động rà soát hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin; bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách để bảo trì, sửa chữa, thay thế các thiết bị xuống cấp theo lộ trình, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính và chữ ký số cá nhân phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử; 100% văn bản điện tử được gửi, nhận có ký số, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc tại địa phương.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng Ai hỗ trợ CBCCVC trong hoạt động công vụ.

## **2. Chuyển biến quan trọng nhất so với đầu năm 2026 và so với thời điểm ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW**

So với đầu năm 2026 và thời điểm ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhận thức của CBCCVC và người dân về chuyển đổi số đã có chuyển biến rõ nét; việc xử lý công việc trên môi trường điện tử được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến và sử dụng chữ ký số công cộng duy trì ở mức cao; từng bước áp dụng các mô hình chuyển đổi số cộng đồng.

**3. Điểm nghẽn lớn nhất đang cản trở tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện** (theo các nhóm vấn đề về: thể chế, dữ liệu, hạ tầng, nền tảng, an toàn bảo mật, tài chính, nhân lực, phối hợp liên ngành hoặc năng lực thực thi).

- Nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn hạn chế, hầu hết CBCCVC kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ.

- Trình độ dân trí chưa đồng đều, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, điều kiện về vật chất, tinh thần của người dân địa phương có sự phân hóa lớn so với các địa phương khác. Kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi còn hạn chế; nhiều người chưa thành thạo sử dụng điện thoại thông minh, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số như thanh toán điện tử, ứng dụng AI, ứng dụng định danh điện tử, thương mại điện tử..., do đó vẫn cần được hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp trong quá trình tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

- Trên địa bàn xã không có doanh nghiệp công nghệ số; không có Trung tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Ngoài ra, đa số điện thoại thông minh của người dân trên địa bàn xã có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ hạn chế nên việc cài đặt, cập nhật và sử dụng đồng thời nhiều ứng dụng số còn gặp khó khăn; ảnh hưởng đến quá trình triển khai các nền tảng số, ứng dụng AI và các dịch vụ số tại cơ sở.

## **4. Nhiệm vụ trọng tâm tháng 6 và 6 tháng cuối năm 2026**

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đạt 100%; nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và tái sử dụng dữ liệu.

- Tiếp tục triển khai số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ; hoàn thiện các điều kiện phục vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu.

- Tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình chuyển đổi số cộng đồng; hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP trên môi trường số.

## **I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Nghị quyết 57; hiệu quả đem lại**

### ***1.1. Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành gắn với vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu***

\* UBND xã Vĩnh Thông đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, đề án liên quan, gồm: Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 31/12/2025 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Vĩnh Thông giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 03/02/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 27/02/2026 về việc triển khai thực hiện Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030" trên địa bàn xã Vĩnh Thông; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 25/3/2026 về việc triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 06/4/2026 về việc triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về "Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 02/4/2026 về triển khai thực hiện Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026.

\* Từ đầu năm 2026 đến nay, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Vĩnh Thông đã tổ chức 02 cuộc họp để triển khai, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

- Người đứng đầu UBND xã thường xuyên chỉ đạo các bộ phận chuyên môn rà soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ; đôn đốc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Các hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được duy trì vận hành thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành.

### ***1.2. Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại; khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ; tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp***

- Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương đã góp phần nâng cao tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các nhiệm vụ được

giao cơ bản được cụ thể hóa bằng kế hoạch, phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và đầu mối thực hiện.

- Công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn, các tổ chức đoàn thể và Tổ công nghệ số cộng đồng từng bước được tăng cường; nhiều nội dung trước đây triển khai riêng lẻ nay đã được lồng ghép đồng bộ với cải cách hành chính, chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Thông qua việc duy trì các hệ thống dùng chung của tỉnh, việc xử lý văn bản, điều hành công việc, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương được thực hiện ổn định, hạn chế tình trạng xử lý thủ công; việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận được thuận lợi hơn, góp phần giảm thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

- Việc áp dụng các mô hình chuyển đổi số cộng đồng bước đầu tạo được sự lan tỏa tại các thôn, người dân đã từng bước tiếp cận các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

- Một số khó khăn trước đây như việc tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và khai thác các hệ thống dùng chung từng bước được cải thiện thông qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn khó khăn do kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế; nhiều điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ ít nên việc cài đặt và sử dụng nhiều ứng dụng số còn gặp khó khăn; nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin tại cấp xã còn thiếu, chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm.

*(Có Phụ lục I, II kèm theo).*

**2. Về việc thực thi nhiệm vụ được giao:** Tổng số nhiệm vụ UBND tỉnh giao: 10 nhiệm vụ, trong đó:

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 4 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 40%; hoàn thành đúng hạn 4 nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 6 nhiệm vụ. Không có nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành.

Các nhiệm vụ đã hoàn thành góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường điện tử; phát triển các mô hình chuyển đổi số cộng đồng; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP trên môi trường số. Một số nhiệm vụ đang tiếp tục triển khai như: Số hóa di tích; xây dựng bản đồ số di tích; kiểm tra qua môi trường số; triển khai mạng 5G

#### **\* Đánh giá chung**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW được thực hiện nghiêm túc, bám sát chỉ đạo của cấp trên; các nhiệm vụ được triển khai đúng

tiên độ, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Tuy nhiên, nguồn lực và nhân lực chuyên sâu phục vụ chuyển đổi số còn hạn chế.

## **II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH**

### **1. Tình hình, kết quả thực hiện**

UBND xã đã tổ chức rà soát các văn bản liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham gia góp ý các dự thảo văn bản theo yêu cầu của cấp trên. Các ý kiến góp ý tập trung vào tính khả thi trong tổ chức thực hiện ở cấp cơ sở; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

*(Có Phụ lục III kèm theo)*

### **2. Những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân**

Cấp xã không có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách chuyên ngành nên vai trò chủ yếu là tham gia góp ý và tổ chức thực hiện. Một số nội dung chuyên môn sâu cần tiếp tục được hướng dẫn cụ thể hơn từ cơ quan cấp trên.

## **III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Trong 5 tháng đầu năm 2026, UBND xã Vĩnh Thông tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo các kế hoạch, đề án của tỉnh và của xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời gắn với triển khai Đề án 06 của Chính phủ và nhiệm vụ cải cách hành chính tại xã.

Công tác chuyển đổi số trong khối cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ; việc ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý công việc trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến và số hóa hồ sơ tiếp tục được duy trì thường xuyên.

So với năm 2025 và đầu năm 2026, việc triển khai chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực hơn; nhận thức của CBCCVC và người dân về chuyển đổi số từng bước được nâng lên; các nền tảng số dùng chung của tỉnh được khai thác, sử dụng ổn định hơn; một số mô hình chuyển đổi số cộng đồng bước đầu phát huy hiệu quả.

#### ***a) Về thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến***

Từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 17/5/2026, UBND xã Vĩnh Thông tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và Đề án 06 của Chính phủ.

- Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ tháng 01/01/2026 đến hết ngày 17/5/2026:

+ Tổng số TTHC: 358; số lượng TTHC trực tuyến toàn trình: 196, một phần: 162, trực tiếp: 0.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận theo kỳ báo cáo: 404; Số lượng hồ sơ trực tuyến: 404, tỷ lệ: 100%.

- Tỷ lệ số hóa, tỷ lệ cấp kết quả điện tử, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu:

+ Số hóa: 404/404 hồ sơ đã giải quyết, tỷ lệ: 100%.

+ Cấp kết quả điện tử: 404/404 hồ sơ, tỷ lệ: 100%.

- Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính: Từ đầu năm chưa phát sinh hồ sơ.

- UBND xã đã công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết và đã đi vào vận hành thực tế theo quy định.

- Đã số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; trong kỳ báo cáo không có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- So với đầu năm 2025 và thời điểm đầu năm 2026, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và cấp kết quả điện tử tiếp tục được duy trì ở mức cao; việc xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử ngày càng ổn định hơn; nhận thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân từng bước được nâng lên thông qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp tại xã.

- Tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chưa đạt mức tối đa do đặc thù một số thủ tục hành chính hiện được cấu hình ở mức dịch vụ công trực tuyến một phần; kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi còn hạn chế; đa số điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ hạn chế nên việc cài đặt, sử dụng nhiều ứng dụng số còn gặp khó khăn.

- Trong quá trình khai thác, sử dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, đôi lúc còn phát sinh lỗi trong quá trình thanh toán trực tuyến, ảnh hưởng nhất định đến quá trình thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến của người dân.

*(Có Phụ lục IV kèm theo).*

### ***b) Về kiến trúc, hạ tầng số, bảo đảm trang thiết bị cho chuyển đổi số***

- Hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. Hệ thống mạng internet, đường truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống mạng nội bộ và các thiết bị công nghệ thông tin tiếp tục được duy trì phục vụ hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết công việc chuyên môn.

- 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công việc; 100% cán bộ, công chức sử dụng chữ ký số cá nhân trong xử lý văn bản điện tử. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các nền tảng số dùng chung của tỉnh được khai thác, sử dụng thường xuyên, cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục, ổn định.

- Tỷ lệ phủ sóng di động 4G trên địa bàn đạt 95%. Tuy nhiên còn 05 thôn thuộc khu vực lõm sóng, 01 thôn trắng sóng.

So với đầu năm 2025 và thời điểm đầu năm 2026, việc khai thác, sử dụng hạ tầng số từng bước ổn định hơn; nhận thức và kỹ năng sử dụng các nền tảng số của đội ngũ CBCCVC được nâng lên.

Tuy nhiên, đa số điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ nhỏ nên ảnh hưởng đến quá trình cài đặt, sử dụng các ứng dụng số và nền tảng số phục vụ chuyển đổi số tại cơ sở. Bên cạnh đó, kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi còn hạn chế nên vẫn cần nhiều thời gian để hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình sử dụng các dịch vụ số.

#### ***c) Về nền tảng số quốc gia, dùng chung***

- UBND xã tiếp tục khai thác, sử dụng các nền tảng số dùng chung của tỉnh và của Trung ương như: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia, nền tảng định danh điện tử VNeID và các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn.

- Các nền tảng số cơ bản được vận hành ổn định, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước, xử lý công việc và giải quyết thủ tục hành chính.

- Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng vẫn còn xảy ra tình trạng hệ thống chậm, lỗi kết nối hoặc đồng bộ dữ liệu chưa ổn định tại một số thời điểm; một số chức năng còn khó sử dụng đối với người dân, nhất là người cao tuổi.

- Đặc biệt hiện nay việc tiếp nhận, giải quyết TTHC chuyển sang sử dụng hệ thống riêng của các Bộ, ngành nên gây khó khăn cho công chức chuyên môn và người dân do phải thao tác ở nhiều hệ thống khác nhau.

*(Có Phụ lục V kèm theo).*

#### ***d) Về dữ liệu số***

- UBND xã tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; duy trì khai thác, sử dụng dữ liệu trên các hệ thống dùng chung của tỉnh phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 100%; việc khai thác dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được triển khai gắn với Đề án 06 của Chính phủ.

- Việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống từng bước được cải thiện; góp phần giảm hồ sơ giấy, giảm việc kê khai lại thông tin của người dân và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số hệ thống chưa thực sự đồng bộ dữ liệu giữa các nền tảng, gây khó khăn trong quá trình khai thác, tra cứu và tổng hợp thông tin phục vụ giải quyết công việc. Bên cạnh đó, công tác số hóa tài liệu lưu trữ cũ cần thêm thời gian để triển khai đồng bộ theo lộ trình.

*(Có Phụ lục VI kèm theo).*

#### ***đ) Công tác phát triển nhân lực cho chuyển đổi số***

- UBND xã đã bố trí 01 công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số; tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyên đổi số, an toàn thông tin và kỹ năng số do cấp trên tổ chức.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản qua hệ thống Bình dân học vụ số.

- Tiếp tục duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng số và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

- So với đầu năm 2025 và thời điểm đầu năm 2026, kỹ năng khai thác, sử dụng nền tảng số của cán bộ, công chức từng bước được nâng lên; công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân tham gia chuyển đổi số được triển khai thường xuyên hơn. Tuy nhiên, nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại cấp xã còn thiếu; chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm.

*(Có Phụ lục VII kèm theo).*

#### ***e) Về phát triển kinh tế số, xã hội số***

- UBND xã đã chỉ đạo triển khai mô hình “Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt”; tuyên truyền, vận động người dân, hộ kinh doanh sử dụng thanh toán điện tử, mã QR và các hình thức giao dịch không dùng tiền mặt trong giao dịch mua bán hàng ngày.

- 02 sản phẩm OCOP của xã được lập kế hoạch hỗ trợ quảng bá trên website và các nền tảng số, góp phần mở rộng hình thức giới thiệu, quảng bá sản phẩm địa phương trên môi trường mạng.

- Đẩy mạnh triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, các mô hình chuyên đổi số cộng đồng, sử dụng AI góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khả năng tiếp cận công nghệ của người dân.

Việc triển khai các mô hình chuyển đổi số bước đầu giúp người dân thuận lợi hơn trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và các nền tảng số; góp phần giảm thời gian đi lại, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính và từng bước hình thành thói quen sử dụng dịch vụ số trong cộng đồng dân cư.

## **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

Công tác chuyển đổi số tại xã đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số chưa bảo đảm trang bị đầy đủ hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin đến 100% các thôn, ảnh hưởng nhất định đến việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở.

- Nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin tại các đơn vị còn thiếu, chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai một số nhiệm vụ.

- Kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi còn hạn chế, đa số điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ không đảm bảo nên việc cài đặt, sử dụng nhiều ứng dụng số còn gặp khó khăn.

- Trong quá trình khai thác, sử dụng, một số hệ thống, nền tảng số đôi lúc còn xảy ra tình trạng lỗi kết nối hoặc vận hành chưa thực sự ổn định; ảnh hưởng nhất định đến quá trình sử dụng và xử lý công việc.

Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số tại cấp xã còn hạn chế; nhân lực chuyên môn còn thiếu; một số nhiệm vụ chuyển đổi số là nội dung mới, yêu cầu chuyên môn sâu trong khi điều kiện kinh tế - xã hội tại xã còn nhiều khó khăn.

## **IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

### **1. Tình hình, kết quả đạt được**

#### ***a) Về việc triển khai các công nghệ chiến lược (CNCL)***

- Trong 5 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn xã Vĩnh Thông chưa có doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu hoặc dự án triển khai các công nghệ chiến lược theo quy mô nghiên cứu, sản xuất hoặc thương mại hóa.

- Địa phương chủ yếu tập trung triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, tuyên truyền, hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ năng số và chuyển đổi số cộng đồng.

- Một số nội dung bước đầu được triển khai gồm: Ứng dụng AI hỗ trợ tra cứu thông tin, tổng hợp tài liệu, hỗ trợ xử lý công việc chuyên môn; Nghiên cứu ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm thông minh trong sản xuất nông nghiệp; lập kế hoạch triển khai mô hình “Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt” và hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP trên nền tảng số. Các mô hình hiện đang trong giai đoạn triển khai, ứng dụng thực tế tại cơ sở; chưa phát sinh sản phẩm công nghệ chiến lược thương mại hóa hoặc sản phẩm công nghệ có tỷ lệ nội địa hóa riêng.

Khó khăn chủ yếu là nguồn lực đầu tư còn hạn chế; chưa có doanh nghiệp công nghệ số, nhân lực chuyên sâu về công nghệ số và đổi mới sáng tạo; kỹ năng tiếp cận công nghệ của người dân chưa đồng đều. Trong thời gian tới, UBND xã tiếp tục chỉ đạo triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện

thực tế tại địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận công nghệ số, AI và các nền tảng số phục vụ đời sống, sản xuất và kinh doanh.

*(Có Phụ lục VIII kèm theo).*

***b) Về hoạt động doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS***

Trên địa bàn xã hiện có 04 HTX đang hoạt động; chưa có doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

***c) Về đăng ký và cấp quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ***

- Trong 5 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn xã Vĩnh Thông không phát sinh hồ sơ đăng ký quyền sở hữu công nghiệp hoặc hoạt động cấp quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- UBND xã chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quyền sở hữu công nghiệp; đồng thời lồng ghép hướng dẫn các hợp tác xã, hộ sản xuất nâng cao nhận thức về xây dựng, bảo vệ thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm địa phương.

- UBND xã tiếp tục hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP trên website và các nền tảng số; từng bước nâng cao nhận thức của các hợp tác xã, hộ sản xuất về vai trò của sở hữu trí tuệ, thương hiệu và truy xuất nguồn gốc trong phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

So với thời điểm đầu năm 2025 và đầu năm 2026, nhận thức của các hợp tác xã, hộ sản xuất về xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa từng bước được nâng lên; việc ứng dụng nền tảng số trong quảng bá sản phẩm địa phương được quan tâm hơn. Tuy nhiên, do quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ; chưa có doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn; nguồn lực và hiểu biết về sở hữu trí tuệ của các hộ sản xuất còn hạn chế nên chưa phát sinh hoạt động đăng ký, bảo hộ sở hữu trí tuệ tại địa phương.

***d) Về vận hành Công sáng kiến khoa học công nghệ và Sàn giao dịch khoa học công nghệ***

Nội dung về vận hành Công sáng kiến khoa học công nghệ và Sàn giao dịch khoa học công nghệ là nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý, triển khai của cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn cấp trên; UBND xã không trực tiếp quản lý, vận hành các nền tảng này. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, UBND xã chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, khuyến khích cán bộ, công chức, các tổ chức và người dân tích cực tham gia các hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

***e) Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao***

- Trong 5 tháng đầu năm 2026, UBND xã tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực phục vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số; quan tâm nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số cho cán bộ, công chức và người dân.

- Hiện nay, UBND xã bố trí 01 công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đồng thời duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số và dịch vụ số.

- UBND xã tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số, ứng dụng AI và khai thác các nền tảng số dùng chung; đồng thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số phù hợp với điều kiện thực tế tại xã.

So với thời điểm đầu năm 2025 và đầu năm 2026, nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số của cán bộ, công chức từng bước được nâng lên; người dân từng bước tiếp cận và sử dụng các nền tảng số trong đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, nguồn nhân lực chuyên sâu về khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin tại cấp xã còn thiếu; chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm. Kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi còn hạn chế; việc triển khai các nội dung chuyển đổi số tại cơ sở vẫn cần nhiều thời gian để hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp.

***g) Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh***

- Trong 5 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn xã Vĩnh Thông chưa hình thành mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” theo quy mô chính thức; chưa có khu công nghệ cao, đô thị thông minh hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo.

- UBND xã chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tiếp cận thông tin, chính sách hỗ trợ khi có nhu cầu.

So với thời điểm đầu năm 2025 và đầu năm 2026, việc ứng dụng công nghệ, nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh và quảng bá sản phẩm địa phương bước đầu được quan tâm hơn; một số mô hình phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở được triển khai như mô hình tưới tiết kiệm thông minh, mô hình quảng bá sản phẩm OCOP trên nền tảng số. Tuy nhiên, do quy mô kinh tế còn nhỏ, số lượng doanh nghiệp, HTX còn rất hạn chế; chưa có cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ hoặc doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn nên việc hình thành mô hình hợp tác 3 Nhà và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo còn gặp nhiều khó khăn.

***h) Việc triển khai Trí tuệ nhân tạo (AI - First)***

- Trong 5 tháng đầu năm 2026, UBND xã Vĩnh Thông đã triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác chuyên môn, tuyên truyền và hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế tại xã.

- Đội ngũ CBCCVC từng bước khai thác, sử dụng các công cụ AI phục vụ tra cứu thông tin, tổng hợp tài liệu, hỗ trợ xây dựng nội dung tuyên truyền và xử lý công việc chuyên môn.

So với thời điểm đầu năm 2025 và đầu năm 2026, nhận thức về AI và khả năng tiếp cận các công cụ AI của CBCCVC và người dân từng bước được nâng lên; việc ứng dụng AI trong hỗ trợ công việc và tiếp cận thông tin bước đầu mang lại hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, việc triển khai AI trên địa bàn xã hiện chủ yếu ở mức hỗ trợ công việc, tuyên truyền và hướng dẫn người dân tiếp cận công nghệ; chưa có mô hình ứng dụng AI chuyên sâu trong quản lý, sản xuất hoặc kinh doanh. Khó khăn chủ yếu là nguồn nhân lực chuyên sâu về AI còn thiếu; kỹ năng sử dụng công nghệ của một bộ phận người dân còn hạn chế; đa số điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ ít nên ảnh hưởng đến quá trình cài đặt, sử dụng các ứng dụng AI.

***i) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các nghiên cứu cơ bản/ứng dụng***

- Trong 5 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn xã Vĩnh Thông không có đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh hoặc cấp bộ triển khai trực tiếp tại địa phương.

- UBND xã chủ yếu phối hợp triển khai các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở, như mô hình ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm thông minh trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ ứng dụng nền tảng số trong quảng bá sản phẩm OCOP và triển khai các mô hình chuyển đổi số cộng đồng.

So với thời điểm đầu năm 2025 và đầu năm 2026, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh từng bước được quan tâm hơn; nhận thức của người dân về ứng dụng công nghệ trong sản xuất và đời sống có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, trên địa bàn xã chưa có các nhiệm vụ khoa học công nghệ chuyên sâu, nghiên cứu cơ bản hoặc dự án ứng dụng công nghệ quy mô lớn; nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế.

**2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan liên quan**

- Việc phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã còn gặp khó khăn do nguồn lực đầu tư hạn chế; thiếu nhân lực chuyên sâu; chưa có doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Bên cạnh đó, kỹ năng tiếp cận công nghệ của một bộ phận người dân còn hạn chế; đa số điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ ít nên ảnh hưởng đến quá trình sử dụng các nền tảng số và ứng dụng AI.

- UBND xã tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

**V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS**

## **1. Kết quả thực hiện**

Tổng kinh phí đã được phân bổ năm 2026 cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 0,316 tỷ đồng. Kinh phí được sử dụng chủ yếu phục vụ công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính, duy trì phòng họp trực tuyến, mua sắm trang thiết bị, tuyên truyền chuyển đổi số và duy trì hoạt động các hệ thống dùng chung. Nguồn kinh phí hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ thường xuyên.

## **2. Tóm lược những điểm tích cực đã làm được; những hạn chế, tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan**

- UBND xã đã quan tâm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước đáp ứng yêu cầu duy trì hoạt động các hệ thống dùng chung, cải cách hành chính và triển khai các mô hình chuyển đổi số tại cơ sở.

- Việc triển khai các nội dung về quỹ khoa học công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, ươm tạo công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo không thuộc thẩm quyền thực hiện của cấp xã.

Nguyên nhân chủ yếu do điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn; nguồn thu ngân sách hạn chế; chưa có doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn để huy động nguồn lực xã hội hóa phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Trong 5 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn xã chưa phát sinh hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ hoặc phát triển mạng lưới chuyên gia trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Trong 5 tháng đầu năm 2026, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Vĩnh Thông đã đạt được một số kết quả tích cực; nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được nâng lên; các nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được duy trì, triển khai đồng bộ tại địa phương. Một số kết quả nổi bật như: duy trì tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt cao; tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2026 đạt kết quả; Chỉ đạo triển khai mô hình “Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt” và nghiên cứu ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm thông minh trong sản xuất nông nghiệp. UBND xã tự đánh giá mức độ thực hiện ở mức: “Hoàn thành”; các nhiệm vụ được triển khai cơ bản bảo đảm tiến độ, bước đầu có kết quả ứng dụng thực tế.

Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như: Nguồn lực đầu tư còn hạn chế; thiếu nhân lực chuyên sâu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số; kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế; đa số điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ ít nên ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận, sử dụng các nền tảng số và ứng dụng AI.

Qua quá trình triển khai thực hiện cho thấy cần tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp để nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân; đồng thời triển khai các mô hình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tạo hiệu quả thiết thực và khả năng lan tỏa tại cơ sở.

## **Phần 2**

### **BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026**

#### **I. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW cho thấy cần tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận công nghệ và kỹ năng số.

Việc triển khai các mô hình cần phù hợp với điều kiện thực tế của xã, nội dung dễ hiểu, dễ tiếp cận; chú trọng hướng dẫn thực hành trực tiếp để tạo hiệu quả thiết thực và khả năng lan tỏa tại cơ sở.

#### **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án số 22-ĐA/TU và các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Duy trì và nhân rộng các mô hình chuyển đổi số cộng đồng; tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia phong trào “Bình dân học vụ số”, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp cận các nền tảng số, ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tại cơ sở.

#### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hỗ trợ tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân.

- Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở.

- Đề nghị quan tâm hỗ trợ nguồn lực để địa phương tiếp tục triển khai các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế.

*(Có Phụ lục IX kèm theo)*

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 5 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 6 và 6 tháng cuối năm 2026 của UBND xã Vĩnh Thông./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Hội**

## CÁC PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2026 của UBND xã Vĩnh Thông)

### 1. Phụ lục I. Công tác chỉ đạo, điều hành, hiệu quả đem lại

STT	Số văn bản đã ban hành		Số phiên họp/cuộc họp		Các phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu đã áp dụng	Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại	Khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ	Tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp
	Người đứng đầu trực tiếp ký	Cấp phó người đứng đầu ký	Người đứng đầu chủ trì	Cấp phó người đứng đầu chủ trì				
	6	6	02	0	Chỉ đạo, điều hành thông qua hệ thống quản lý văn bản điện tử, hệ thống thông tin giải quyết TTHC, nền tảng số và các nhóm công việc trực tuyến	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, kỹ năng số cho người dân; triển khai hiệu quả các mô hình “Bình dân học vụ số”, tiếp cận AI và thanh toán không dùng tiền mặt	Từng bước hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế	Nâng cao hiệu quả xử lý công việc tại cơ quan nhà nước; tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC và tiếp cận các dịch vụ số

## 2. Phụ lục II. Phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp tốt, có giá trị thực tiễn

Việc giải quyết những phản ánh, kiến nghị

STT	Nhóm PAKN/SKGP xuất hiện nhiều		Những điểm nghẽn được phản ánh?	Đã giải quyết dứt điểm chưa?
	PAKN/SKGP mới	PAKN/SKGP được đề cập kéo dài hoặc lặp lại		
	0	0		

Những sáng kiến, giải pháp

STT	Nội dung PAKN/SKGP	Cơ quan/Tổ chức/Cá nhân đề xuất	Giá trị thực tiễn có thể mang lại	Kiến nghị của cơ quan giải quyết để SKGP có thể triển khai, áp dụng
	Không có			

3. Phụ lục III. Danh sách thể chế, chính sách đã ban hành, cần ban hành: không có.

## 4. Phụ lục IV. Bảng số liệu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

- Số thủ tục hành chính hiện nay: 413, trong đó:

STT	Số TTHC
1	Cấp xã
	358

- Số dịch vụ công trực tuyến hiện nay: 413, trong đó:

STT	Cấp xã	
1	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần
	196	162

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 5 tháng đầu năm 2026 và lũy kế đến hiện tại:

STT	Số hồ sơ trực tuyến		Số hồ sơ trực tiếp và hình thức khác	
	5 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại	5 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại

1	<b>Cấp Xã</b>			
	404	404	0	0

**5. Phụ lục V. Danh mục nền tảng số quốc gia, chuyên ngành, dùng chung**

UBND xã chủ yếu khai thác, sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số chuyên ngành và nền tảng dùng chung do Trung ương, cấp tỉnh triển khai phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

**6. Phụ lục VI. Tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành**

UBND xã không trực tiếp triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hiện chủ yếu khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung do Trung ương và cấp tỉnh triển khai, phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

**7. Phụ lục VII. Việc bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, địa phương**

STT	Số biên chế được giao	Số người đã được bố trí	Số người còn thiếu	Lý do chưa bố trí đủ	Ghi chú
1	41	1	0		

**8. Phụ lục VIII. Danh mục công nghệ chiến lược/sản phẩm công nghệ chiến lược**

Không có.

**9. Phụ lục IX. Danh mục đề xuất kiến nghị của các cơ quan, địa phương**

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
<b>I</b>	Nhóm vấn đề cơ quan, địa phương tự xử lý được, nêu rõ cam kết và thời hạn hoàn thành					
1	Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người	UBND xã Vĩnh Thông	UBND xã Vĩnh Thông	Tổ công nghệ số cộng đồng, các đoàn	Nâng cao kỹ năng số cho người dân	6 tháng cuối năm 2026

	dân tham gia “Bình dân học vụ số”, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nền tảng số			thể		
<b>II</b>	Nhóm vấn đề căn sở, ngành hướng dẫn, phối hợp hoặc tháo gỡ					
1	Đề nghị hỗ trợ tập huấn, nâng cao kỹ năng ứng dụng AI và kỹ năng số cho cán bộ, người dân	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã Vĩnh Thông	Các cơ quan chuyên môn cấp trên	Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn	Năm 2026